

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 13/4/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản và tranh chấp
hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Bùi Thị Thu Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 08/04/2021 đến ngày 13/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 26/2021/TB-TA ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Y, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà 13, tổ dân phố 07 (trước đây là tổ dân phố 09), phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hà Thị B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2.2. Chị Lê Thùy D; Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Bà Hà Thị B; Địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Anh Lê Ngọc T; địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Bà: Mai Thị H, địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Lê Thanh H1; Địa chỉ: Tổ dân phố 07 (trước đây là tổ dân phố 11), phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng: Bà Hà Thị B; Địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4.2. Ông Dương Tiến Đ; Địa chỉ: Số nhà 13, tổ dân phố 07 (trước đây là tổ dân phố 09), phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Lưu Thị Y; Địa chỉ: Số nhà 13, tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4.3. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (*Tên viết tắt: Agribank*); Địa chỉ trụ sở: Số 02, đường L, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh: Bà Thảo Thị D1; Giám đốc chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thảo Thị D1: Bà Nguyễn Thị T1 - Giám đốc phòng giao dịch Mường Thanh, chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Số 84, tổ dân phố 28, phường MT, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

5. Người kháng cáo: bà Hà Thị B - là bị đơn trong vụ án và anh Lê Ngọc T - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

(Bà Y, bà B và bà H có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà H và bà B vắng mặt khi Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lưu Thị Y trình bày:**

Bà Y và bà Hà Thị B là hàng xóm, chơi với nhau. Ngày 22/7/2019, bà B có sang nhà bà Y hỏi vay của bà Y số tiền là 1.514.000.000 đồng để đáo hạn nợ của gia đình bà B ở ngân hàng, do tin tưởng nên bà Y đã cho bà B vay tiền với lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/1 tháng, bà B có hẹn vay trong thời hạn 10 ngày sẽ trả.

Đến ngày 31/7/2019, bà B lại sang nhà bà Y và nói với bà Y cho vay thêm số tiền là 320.000.000 đồng để bà B làm giấy tờ đất, do đang cho bà B vay số tiền lớn, nên bà Y đã tạo điều kiện cho bà B vay số tiền 320.000.000 đồng, cũng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1,5%/01 tháng, hạn vay trong thời hạn là 10 ngày sẽ trả.

Ngày 13/8/2019, bà B lại đặt vấn đề vay thêm của bà Y số tiền 120.000.000 đồng, cũng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1,5%/01 tháng. Khi bà B đặt vấn đề vay thêm khoản tiền 120.000.000 đồng, bà Y có nói với bà B về việc hiện tại bà B đang vay khoản tiền lớn như vậy, mà chỉ có một mình bà B đảm bảo trả các khoản vay thì bà Y không cho vay nữa, bà B có nói với bà Y để con gái bà B là Lê Thùy D đến cùng ký và sẽ đảm bảo cùng với bà B trả toàn bộ các khoản vay nên bà Y đồng ý. Vì vậy, khi bà B viết nội dung vay khoản tiền 120.000.000 đồng vào ngày 13/8/2019, thì chị D có đến và cùng ký nhận vào giấy nhận nợ có 03 khoản vay từ ngày 22/7/2019 đến ngày 13/8/2019.

Đến ngày 27/9/2019, bà B tiếp tục vay bà Y số tiền 140.000.000 đồng, khi đó chỉ có một mình bà B hỏi vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/1 tháng, hạn thời hạn trả nợ là 03 tháng.

Do bà B và chị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Y khởi kiện, yêu cầu bà B và chị D phải trả các khoản nợ gồm: Tiền gốc là 1.954.000.000 đồng và tiền lãi của ba khoản tiền vay vào các ngày 22/7/2019, 30/7/2019 và 13/8/2019 tính đến ngày 26/9/2019 là 46.000.000 đồng. Số tiền lãi của khoản tiền gốc 1.954.000.000 đồng từ tháng 10/2019 đến hết tháng 6/2020, với mức lãi suất là 1,5%/01 tháng, thành tiền là: 260.000.000 đồng. Yêu cầu bà B trả cho bà Y số tiền 140.000.000đ vay ngày 27/9/2019 và tiền lãi từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2020, số tiền lãi là 18.641.000 đồng.

Ngoài ra, bà B và chị D phải trả lãi đối với các khoản vay trên cho bà Yến đến khi tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Ngày 06/11/2019, bà Lưu Thị Y có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 18/11/2019, tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 11, Điều 114 và Điều 126 của BLTTDS, buộc phong tỏa tài sản của bà Hà Thị B và bà Lê Thùy D, cùng địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 68, diện tích 158,5m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 391069, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH30797/QSDĐ mang tên ông Lê Thanh H1 và bà Hà Thị B, do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 28/11/2017).

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 68, diện tích 157,5m², mục đích sử dụng đất: Đất ở 127,6m², đất trồng cây hàng năm khác 29,9m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 391478, số vào sổ cấp GCNQSDĐ:

CH40068/QSDĐ mang tên bà Lê Thùy D, do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 30/11/2017.

*** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hà Thị Bầy trình bày:** bà B và bà Y là người cùng phố, có quen biết nhau, khoảng tháng 05/2017, do bà B phải thi hành bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên với số tiền gần ba tỷ đồng nên bà B phải vay tiền của bà Y, với lãi suất 1.500đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền này, sau đó bà B đã đi vay ngân hàng trả cho bà Y vào năm 2017.

Nội dung đơn khởi kiện của bà Y khởi kiện yêu cầu bà B và chị D (con gái bà B) phải trả cho bà Y số tiền 2.140.000.000 đồng gồm cả gốc và lãi là không đúng sự thật, là vu khống bởi lẽ: Việc bà B có vay tiền của bà Y là sự thật, nhưng bà Y khai số tiền gốc 2.094.000.000 đồng và số tiền lãi là 46.000.000 đồng là không chính xác. Bà B diễn giải, trình bày cụ thể về số tiền bà Y khởi kiện đòi nợ như sau:

- Khoản vay ngày 22/7/2019 vay số tiền 1.514.000.000 đồng, bà Y cho rằng đó toàn bộ là tiền gốc là không đúng, số tiền trên là vay nhiều lần, trong đó có tiền gốc + tiền lãi + lãi chồng lãi + lãi mẹ đẻ lãi con, lãi tính 1.500đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày 09/4/2018 đến ngày 22/7/2019, bà Y và bà B cộng chót số tiền viết sang giấy nợ mới, giấy ký nợ tiền cũ liên quan đến việc tính lãi ngày bà Y đã hủy bỏ hết.

Khoản vay này, bà B vay bà Y số tiền gốc là 600.000.000 đồng vào ngày 09/4/2018, với lãi suất là 1.500đ/01 triệu/01 ngày, hàng tháng bà B vẫn trả lãi cho bà Y, tháng nào không có tiền trả thì bà Y cộng dồn lãi vào thành lãi mẹ đẻ lãi con, đến ngày 22/7/2019 bà B và bà Y tính gốc + lãi, lãi chồng lãi, lãi mẹ đẻ lãi con, chót ký giấy nợ mới là 1.514.000.000 đồng.

Việc bà B vay khoản tiền 600.000.000 đồng của bà Y có làm giấy biên nhận, tuy nhiên giấy vay tiền đó do bà Y giữ, việc thỏa thuận tiền lãi 1.500đ/1 triệu/1 ngày giữa bà B với bà Y thực hiện theo văn bản thỏa thuận ngày 30/7/2017 có chữ ký của 2 bên (bà B đã nộp bản gốc cho tòa án)

Việc bà B vay tiền thêm của bà Y, được thể hiện bằng việc bà B ký nhận trên sổ của bà Y, chứ bà Y không ký nhận gì trên sổ của bà B. Chỉ có ngày 25/6/2018 bà Y có tính lãi nháp trong sổ của bà B, ngày 15/5/2019, bà B có trả tiền cho bà Y 30.000.000 đồng tiền lãi, bà Y có ghi vào sổ của bà B, sau khi bà Y ghi, ký nhận xong, bà B về nhà, khoảng hai giờ sau bà Y gọi bà B xuống nói là ghi nhầm tiền để bà B mở sổ cho bà Y xem và bà Y đã xóa đi. Việc bà Y xóa nội dung trên chỉ có bà B và bà Y biết, không có ai chứng kiến việc này. Đến ngày 09/01/2019, bà Y có tính nháp vào sổ của bà B. Đây là những căn cứ để bà B chứng minh việc bà Y cho bà B vay số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 1.500đ/01 triệu/01 ngày là có thật.

Việc vay nợ giữa bà B và bà Y diễn ra rất nhiều lần. Khi tính tiền lãi, bà Y chỉ tính trên đầu ngón tay và tính theo điện thoại, ra tổng tiền lãi, bà B trả tiền cho bà Y, chứ bà Y không tính và ghi chi tiết vào sổ của bà B, bà Y cũng không

ký nhận gì trên giấy tờ của bà B. Sau mỗi lần vay tiền hay trả nợ cho bà Y thì bà B đều có ghi và ký nhận vào sổ của bà Y, việc bà B ký nhận vào sổ của bà Y là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Ngày 22/7/2019, giữa bà B với bà Y ghi chốt nợ với nhau các khoản nợ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 21/7/2019 (theo các tài liệu trong hồ sơ mà bà B đã nộp cho tòa án từ BL 37 đến BL 41), các số liệu do bà B ghi lại từ sổ của bà Y, để theo dõi chứ không có chữ ký của bà Y. Với số tiền nợ vay nhiều lần, đến ngày 22/7/2019 tổng số tiền bà B vay bà Y là 1.514.000.000 đồng. Bà B hoàn toàn nhất trí với khoản nợ đến ngày 22/7/2019 mà bà B với bà Y đã chốt nợ với nhau, nên bà B mới ký vào giấy vay tiền, việc ký nhận khoản nợ trên là do bà B tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Bà B không nhất trí với việc tính lãi của bà Y đối với khoản tiền 1.540.000.000 đồng vì bà Y khởi kiện bà B ra tòa, nếu bà Y không khởi kiện, thì bà B vẫn nhất trí sẽ trả cho bà Y khoản tiền mà hai bên đã chốt nợ vào ngày 22/7/2019 là 1.514.000.000 đồng. Theo bà B, trong khoản tiền 1.514.000.000 đồng, chỉ có 936.140.000 đồng là tiền gốc, còn tiền lãi và chồng lãi là 577.860.000 đồng.

- Khoản vay ngày 31/7/2019 vay 320.000.000 đồng, khoản vay ngày 13/8/2019 vay 120.000.000 đồng là đúng sự thật.

- Khoản vay ngày 27/9/2019 vay 140.000.000 đồng, bà Y cho rằng đó là tiền gốc là không đúng, số tiền 140.000.000 đồng là số tiền lãi của tổng ba khoản tiền vay trên.

Giấy vay tiền đề ngày 22/7/2019 là chữ ký của bà B và chị D, chữ ký tại giấy vay tiền đề ngày 27/9/2019 là chữ ký của bà B.

Bà B nhất trí trả cho bà Y với số tiền gốc bà B đã vay là 1.376.140.000 đồng, gồm: 936.140.000 đồng + 320.000.000 đồng + 120.000.000 đồng (đây là khoản tiền do hai bên chốt nợ với nhau nhiều lần, bà B ghi lại, chứ không có giấy biên nhận vay tiền đối với khoản tiền này), bà B nhất trí trả lãi đối với khoản tiền nêu trên theo mức lãi suất 12%/năm, tương đương 01%/01 tháng. Thời hạn trả lãi từ ngày 09/4/2018 cho đến tháng 6/2020.

Đề nghị tòa án yêu cầu bà Y giao nộp giấy văn bản thỏa thuận (gốc) ngày 30/7/2017 do bà Y đang giữ. Đối với các hợp đồng vay tiền ngày 25/5/2017, ngày 13/6/2017, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/7/2017, thì nội dung các giấy tờ trên, không liên quan đến số tiền bà Y đang khởi kiện bà B nhưng có liên quan đến khoản tiền bà B đang vay ngân hàng với số tiền là 4 tỷ đồng để trả tiền gốc và lãi cho bà Y.

Chị Lê Thùy D là con gái ruột của bà B, tại giấy biên nhận vay tiền ngày 22/7/2019 với khoản tiền vay 1.514.000.000 đồng thì bà B là người vay nợ bà Y, còn chị D không vay, nhưng do bà Y yêu cầu chị D ký vào giấy vay tiền để nếu xảy ra rủi ro với bà B, thì chị D phải có trách nhiệm với khoản nợ trên, bà B cũng yêu cầu chị D ký, nên D đã đồng ý, việc chị D ký là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Chị D ký giấy biên nhận trên vào ngày 22/7/2019,

khi bà B và bà Y chốt với nhau khoản nợ 1.514.000.000 đồng. Thời điểm chị D ký vào giấy vay tiền trên chỉ có bà B, bà Y và chị D biết, ngoài ra không có ai chứng kiến.

Đối với khoản tiền 320.000.000 đồng, thể hiện ngày vay là 31/7/2019 và khoản vay 120.000.000 đồng vào ngày 13/8/2019, hai khoản tiền trên cũng do bà B vay bà Y, không liên quan đến chị D. Khi vay hai khoản tiền trên, bà Y có bảo bà B viết luôn vào giấy vay tiền ngày 22/7/2019, bà B có biết ở dưới phần người vay có chữ ký của D, nhưng bà B vẫn đồng ý viết vào giấy vay nợ này, vì bà B nghĩ, việc gia đình bà B vay tiền bà Y là có thật, dù bà B có không trả được thì mọi người trong gia đình sẽ cùng nhau có trách nhiệm trả nợ khoản tiền trên. Khi viết tiếp vào giấy vay nợ ngày 22/7/2019, đối với hai khoản vay trên, bà B cũng không nói với chị D về việc bà B đã viết thêm khoản vay đó vào giấy vay tiền có chữ ký của chị D.

Quan điểm của bà B về yêu cầu khởi kiện của bà Y: bà B là người vay tiền lo các khoản chi phí trong gia đình, chứ chị D không vay, chị D chỉ là người ký cùng để bà Y yên tâm, việc bà B nợ tiền bà Y thì bà B có trách nhiệm trả cho bà Y, chị D không có trách nhiệm trả cho bà Y.

Đối với nội dung viết đằng sau giấy vay tiền đề ngày 22/7/2019 với nội dung chốt các khoản nợ là do bà B viết vào ngày 26/9/2019, khi đó bà B với bà Y đã chốt nợ xong với nhau cả ba khoản 1.514.000.000 đồng; khoản 320.000.000 đồng và khoản 120.000.000 đồng cùng với lãi kèm theo thời gian vay, nhưng tài liệu này bà B viết để theo dõi, nên không có chữ ký của bà Y.

*** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thùy D trình bày: Bà Lưu Thị Y khởi kiện bà Hà Thị B và chị D số tiền 2.140.000.000đ là không đúng, chị D và bà B có ký sổ nợ với bà Y số tiền trên là tiền gốc + lãi, lãi chồng lãi, lãi mẹ đẻ lãi con, số tiền bà Y cho bà B vay với lãi suất 1.500đ/01 triệu/01 ngày, bà Y tự tạo ra khoản lãi 46.000.000 đồng là không đúng sự thật. Các khoản mà bà B vay bà Y thì chị D không nắm được, số tiền bà B vay riêng từng khoản là bao nhiêu và hàng tháng tính lãi như thế nào với bà Y thì chị D không biết. Chị D chỉ biết bà B có vay bà Y các khoản tiền để lo chi phí các khoản liên quan đến việc gia đình theo bản án phúc thẩm của tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, tiền chi phí đi theo kiện hơn 10 năm, nộp các loại thuế liên quan đến đất, làm giấy CNQSDĐ, chi phí cuộc sống trong gia đình hàng ngày, bà B đều phải vay bà Y, nên khi bà Y yêu cầu chị D ký cùng bà B để bà Y yên tâm khoản nợ liên quan đến bà B thì chị D phải có trách nhiệm, nên chị D mới ký. Tiền bà B nhận trực tiếp từ bà Y, bà B có trách nhiệm trả các khoản tiền vay cho bà Y. Trong giấy vay tiền ngày 22/7/2019 thì chị D chỉ ký khoản tiền 1.514.000.000đ. Quan điểm của chị D là: chị D không là người vay tiền và cũng không được nhận tiền của bà Y nên chị D không có trách nhiệm trả tiền cho bà Y, chị D chỉ là người ký hộ, chứng kiến việc vay nợ giữa bà B và bà Y. Ngày 20/3/2020, chị D ủy quyền cho bà B giải quyết vụ án.

- Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, ông Lê Thanh H1 trình bày: ông H1 không liên quan đến việc vay mượn tiền của bà Lưu Thị Y, thể hiện trên giấy tờ vay không có chữ ký vay tiền hay nhận nợ của ông H1, còn việc bà B và chị D có ký nhận nợ với bà Y thì bà B và chị D có trách nhiệm giải quyết với bà Y tại tòa án và có trách nhiệm trả nợ cho bà Y.

Giấy CNQSDĐ số bìa CI391069, sổ vào sổ HC 30797 mang tên ông Lê Thanh H1 và bà Hà Thị B đang được ông bà H1 - B thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Đ, với số tiền 2.000.000.000 đồng. Đến ngày 18/11/2019, tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ ban hành thông báo áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông H1 và bà B, ông H1 không đồng ý, với lý do: Tài sản của ông bà H1 - B đã thế chấp tại ngân hàng, nếu ông bà H1 - B không có tiền trả cho ngân hàng, thì ngân hàng mới có quyền xử lý tài sản để thu hồi tiền nợ, nếu dư số tiền nợ của ngân hàng thì ông H1 tự nguyện để cho bà B trả nợ cho bà Y, còn nếu bà Y có ý định bắt nợ theo cách dùng pháp luật ép, phần của bà B thì bà B trả cho bà Y, còn phần của ông H1 thì ông H1 không có trách nhiệm phải trả cho bà Y. Ngày 21/12/2019 ông H1 ủy quyền cho bà B giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai đề ngày 10/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Tiến Đ trình bày: Gia đình ông Đ và gia đình bà B ở cùng phố với nhau, việc bà B và chị D nợ tiền bà Y thì ông Đ không quan tâm. Bà Y cho bà B vay như thế nào và trả ra sao chưa bao giờ ông Đ hỏi và bà Y cũng không nói cho ông Đ biết. Ông Đ chưa bao giờ trực tiếp cho bà B vay tiền, cũng như nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà B, ông Đ không có liên quan gì đến việc vay mượn giữa bà Y và bà B, nên sẽ không đến tòa án để giải quyết. Ngày 24/7/2020 ông Đ ủy quyền cho bà Y giải quyết vụ án.

*** Tại công văn số 50/NHNTP ngày 06/12/2019, người đại diện của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có ý kiến:** Việc tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” là bà Hà Thị B và bà Lê Thùy D, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ không có ý kiến tham gia việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan pháp luật. Tài sản của bà Hà Thị B và bà Lê Thùy D là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hiện đang được thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, để đảm bảo cho các khoản nợ mà bà Hà Thị B, ông Lê Thanh H1 và bà Lê Thùy D vay tại ngân hàng; cho đến nay bà B, ông H1 và bà D chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng. Đề nghị tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xem xét, giải quyết công tâm, khách quan theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ngân hàng, tài sản của nhà nước.

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - anh Lê Ngọc T trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019 và bản tự khai có nội dung :**

Bà Hà Thị B là mẹ của anh T; bà B đã vay tiền của bà Lưu Thị Y để nộp cho chi cục thi hành án thành phố Điện Biên Phủ và các khoản chi phí cho cuộc

sống hàng ngày. Ngày 28/8/2019, bà B làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), bà B liên hệ với ngân hàng để thế chấp GCNQSDĐ vay tiền, trả nợ cho bà Y, nhưng không vay được, bà B được mọi người tư vấn cho tặng suất đất của bà B sang tên anh T để anh T thế chấp vay tiền ngân hàng trả nợ cho bà Y, thời gian đó anh T đang làm ăn ở Hà Nội. Ngày 24/9/2019, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp GCNQSDĐ mang tên Lê Ngọc T, số bìa 420449 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 43847. Sáng ngày 25/9/2019, anh T liên hệ với ngân hàng thế chấp GCNQSDĐ của anh T vay tiền để bà B trả cho bà Y. Vì bận công việc ở Hà Nội, nên anh T không ở lại Điện Biên được lâu, do đó anh T, bà B và bà Y có bàn bạc với nhau, thống nhất việc anh T thế chấp GCNQSDĐ của anh T cho bà Y để bà Y đi liên hệ vay ngân hàng, thế chấp GCNQSDĐ của anh T vay số tiền là 2.000.000.000 đồng hộ bà B, để bà B trả nợ cho bà Y, số tiền còn lại, bà B vẫn còn phải trả cho bà Y theo giá thỏa thuận. Chiều ngày 26/9/2019, anh T tự nguyện ủy quyền cho bà Lưu Thị Y sử dụng GCNQSDĐ mang tên Lê Ngọc T, để bà Y thế chấp vay tiền ngân hàng giúp bà B, để trả cho bà Y khoản tiền bà B và chị D vay của bà Y. Hai bên cùng bàn bạc và thống nhất, thực hiện theo các nội dung thỏa thuận miệng sau này là nội dung thỏa thuận tại giấy thỏa thuận liên quan đến tiền giữa bà Lưu Thị Y với bà Hà Thị B có sự chứng kiến của chủ tịch UBND phường N, 01 giấy liên quan đến tiền và giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp giữa Lê Ngọc T với bà Lưu Thị Y và các nội dung cam kết trong hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2019.

Anh T đề nghị tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ hủy hợp đồng ủy quyền của anh T cho bà Lưu Thị Y ngày 26/9/2019 tại phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên, số công chứng 1975/2019, quyển 01 TP/CC-SCC/HĐUQ địa chỉ tổ dân phố 17, phường MT, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với lý do: Bà Lưu Thị Y không thực hiện các nội dung thỏa thuận miệng và các điều khoản trong hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2019. Ngày 10/6/2019, bà Y tự ý treo biển bán đất của anh T trong khi anh T đi vắng. Ngày 20/10/2019, bà Lưu Thị Y đã làm đơn khởi kiện bà Hà Thị B và chị Lê Thùy D ra tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đòi khoản tiền mà bà B và chị D nợ (Trong khi anh T đã làm giấy ủy quyền cho bà Y, bà Y đã giữ tài sản là GCNQSDĐ của anh T). Anh T yêu cầu bà Y trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Ngọc T.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/3/2020 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/6/2020, bà Mai Thị H trình bày:

Bà H là người đại diện theo ủy quyền của anh T trong vụ án anh T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh T và bà Y. Lý do vì sao hai bên ký kết hợp đồng ủy quyền tại phòng công chứng, việc ký kết như thế nào, nội dung ký kết ra sao thì bà H hoàn toàn không biết.

Anh T nói lại với bà H: Việc anh T ủy quyền cho bà Y theo hợp đồng ủy quyền đối với diện tích đất của anh T là do bà Hà Thị B (mẹ của anh T) có vay của bà Lưu Thị Y một số tiền, với lãi suất là 1.500đ/1 triệu/1 ngày, còn vay bao nhiêu, vay vào thời gian nào thì bà H không biết. Lý do anh T phải ủy quyền cho bà Y vay hộ tiền ngân hàng là do anh T chưa có gia đình và nguồn thu nhập

không đảm bảo để trả nợ ngân hàng, nên không vay được tiền ngân hàng, khi anh T không vay được tiền ngân hàng thì giữa bà B và bà Y có một sự thỏa thuận miệng với nhau về việc anh T thực hiện việc ủy quyền cho bà Y, rồi bà Y vay tiền ngân hàng để bà B trả tiền nợ cho bà Y. Việc anh T ký hợp đồng ủy quyền cho bà Y là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, sau khi hợp đồng được lập xong, thì do tin tưởng bà Y nên anh T không đọc lại hợp đồng ủy quyền và đã ký vào hợp đồng ủy quyền.

Ngoài hợp đồng ủy quyền trên thì còn có việc thỏa thuận bằng miệng, tuy nhiên, nội dung thỏa thuận bằng miệng giữa ba người là bà B, anh T, bà Y như thế nào thì bà H không biết. Khi bà H là người đại diện theo ủy quyền của anh T, thì anh T đưa cho bà H hai giấy thỏa thuận, một cái giấy thỏa thuận cam kết đề ngày 27/9/2019 giữa các bên là bà B, bà Y, ông T2 và giấy thỏa thuận cam kết cũng ngày 27/9/2019 giữa anh T, bà Y và bà B. Các giấy trên đều không có chữ ký của bà Y cũng như ông T2. Tại sao lại có hai tờ giấy thỏa thuận trên, nội dung các bên có thỏa thuận như hai tờ giấy trên hay không thì bà H không biết.

*** Ý kiến của bà bà Lưu Thị Y đối với việc anh Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh T với bà Y như sau:**

Anh Lê Ngọc T là con trai ruột của bà Hà Thị B. Trước ngày ký hợp đồng ủy quyền tại phòng công chứng số 01, tỉnh Điện Biên, anh T có gặp bà Y và nói về việc mẹ anh là bà B đang nợ bà Y một khoản tiền, anh T được bà B cho một mảnh đất, anh T nói với bà Y mua lại cho anh mảnh đất mà anh được tặng cho, nếu bà Y đồng ý mua thì hai bên sẽ thống nhất giá cả, sau khi thống nhất được giá chuyển nhượng thì anh T sẽ có trách nhiệm trả nợ số tiền mà bà B đang nợ bà Y. Do không có nhu cầu về đất ở, nên bà Y nói không lấy đất, khi đó anh T nói sẽ thế chấp đất vay ngân hàng trả tiền cho bà Y. Tuy nhiên, khi anh T đến ngân hàng đề nghị được vay vốn, ngân hàng không đồng ý cho anh T vay, nên anh T nhờ bà Y đứng ra vay ngân hàng hộ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của anh T, để trả tiền cho bà Y hoặc xem có ai mua đất thì bán hộ cho anh T nên bà Y nhất trí.

Sau đó bà Y và anh T ra phòng công chứng số 01, tỉnh Điện Biên ký hợp đồng ủy quyền, anh T ủy quyền toàn bộ quyền định đoạt cho bà Y đối với mảnh đất mà anh T được bà B cho. Sau khi ký Hợp đồng ủy quyền thì bà Y mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng hợp đồng ủy quyền đi vay các ngân hàng, nhưng các ngân hàng không cho bà Y vay với lý do thủ tục vay không đảm bảo. Sau khi không vay được tiền tại các ngân hàng, bà Y mới đề bán mảnh đất đó, thì gặp phải sự ngăn cản của bà B.

Bà Y không nhất trí với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền của anh T, vì hợp đồng ủy quyền giữa tôi với anh T được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, thời hạn hợp đồng ủy quyền là 20 năm và tại Điều 08 điều khoản cuối cùng của hợp đồng chúng tôi đã ký kết nội dung: “Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ hợp đồng ủy quyền này chỉ có giá trị khi được hai bên thiết lập thành văn bản, có chứng nhận của công chứng viên phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên”.

*** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/7/2020 của bà Hà Thị B thể hiện:** Do có sự thỏa thuận trước giữa bà B với bà Y (thỏa thuận miệng), bà Y đã bàn với bà B làm thủ tục cho tặng mảnh đất trên sang con trai bà B là anh Lê Ngọc T, để vay ngân hàng. Nhưng sau khi làm thủ tục sang tên cho anh T xong, do anh T không có nguồn thu nhập ổn định, nên không vay được. Sau đó bà Y yêu cầu bà B làm thủ tục ủy quyền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T sang cho bà Y để bà Y thế chấp ngân hàng vay 2.000.000.000 đồng khấu trừ vào khoản vay của bà B đang vay bà Y (2.000.000.000 đồng đó tính theo lãi ngân hàng), còn số tiền còn lại sẽ tính theo lãi thỏa thuận là 1.500đ/01 triệu/01 ngày. Với ý kiến của bà Y như vậy, gia đình bà B hoàn toàn nhất trí, nên đến 15 giờ chiều ngày 26/9/2019, bà B, anh T và bà Y cùng lên đến phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên làm hợp đồng ủy quyền. Mục đích ủy quyền cho bà Y được thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó vay tiền ngân hàng, ngoài ra không còn mục đích nào khác.

Tại phòng công chứng, bà Y tự ý trình bày nội dung ủy quyền với công chứng viên, khi đó bà B và anh T cũng có mặt ở đó, nhưng anh T không quan tâm đến nội dung ủy quyền, còn bà B thì được xem nội dung hợp đồng ủy quyền. Khi đó, bà B thấy có nội dung tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 của hợp đồng ủy quyền là không đúng theo nội dung bà B và bà Y bàn bạc, thỏa thuận ban đầu và không đúng theo quy định của pháp luật. Bản thân bà B khi đó cũng muốn chỉnh sửa một số nội dung không đúng, nhưng do thời gian làm việc buổi chiều đã hết, nên công chứng viên không chỉnh sửa, bà B cũng nghĩ bà Y sẽ thực hiện vay ngân hàng cho bà B, để bà B không phải trả lãi ngày cho bà Y, bà B có mong muốn sẽ trả nợ cho bà Y mảnh đất mang tên anh T, nên bà B phải chấp nhận đối với nội dung ủy quyền này. Sau khi lập hợp đồng ủy quyền xong, anh T không đọc, vì bà B chỉ đạo anh T là cứ ký vào hợp đồng ủy quyền trên; do tin tưởng bà B nên anh T đã ký vào hợp đồng ủy quyền cho bà Y. Trước khi anh T ký, ông C công chứng viên hướng dẫn và yêu cầu anh T viết rõ nội dung " Tôi đã đọc và đồng ý nội dung ủy quyền trên", anh T đã viết và ký vào hợp đồng ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 04 bản gốc, phòng công chứng giữ lại một bản, đưa lại cho người yêu cầu công chứng 03 bản, nhưng bà Y cầm hết.

Sau đó bà B, anh T và bà Y về nhà bà B tại phố 07, phường NT, bà B và bà Y cùng chốt nợ với nhau bằng sau giấy vay tiền ngày 22/7/2019, tổng gốc và lãi chốt đến ngày 26/9/2019 là 2.142.000.000đ, bà Y thống nhất 2.000.000.000đ chuyển sang hợp đồng ủy quyền GCNQSDĐ của anh T để vay ngân hàng, trả cho bà Y, còn số tiền 142.000.000đ bà Y yêu cầu bà B ký nhận nợ vào sổ bà Y vào ngày 27/9/2019 số tiền là 140.000.000 đồng tính theo lãi suất 1.500đ/01 triệu/01 ngày, còn 2.000.000 đồng bà Y yêu cầu bà B trả ngoài cho bà Y. Sau đó bà B và bà Y cùng anh T thống nhất làm 02 biên bản thỏa thuận cùng ngày 27/9/2019, nhưng sau khi làm xong bà Y lại không ký và nói là đã mua suất đất mang tên của T với giá 02 tỷ đồng và đã trả tiền cho T xong rồi. Bà B yêu cầu TAND thành phố Điện Biên Phủ hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh T và bà Y vì mẹ con bà B đã bị bà Y lừa dối, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Ngọc T, và bồi thường thiệt hại vì bà Y đã vi phạm hợp đồng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm đã đi xác minh tại:** ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Điện Biên; ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Điện Biên, phòng giao dịch NT; ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên, phòng giao dịch Nam Thanh. Các ngân hàng trên đều cho biết: Trong khoảng tháng 10 năm 2019, bà Lưu Thị Y có đến ngân hàng, mang theo thủ tục ủy quyền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Ngọc T đề nghị ngân hàng cho thế chấp tài sản là GCNQSDĐ mang tên anh Lê Ngọc T để vay tiền tại ngân hàng. Tuy nhiên, theo quy định của ngân hàng thì thủ tục vay tiền không đảm bảo theo quy định nên ngân hàng đã từ chối cho bà Y vay.

*** Tại biên bản làm việc, đại diện văn phòng công chứng số 01, tỉnh Điện Biên thể hiện:** Ngày 26/9/2019, công chứng viên đã có lời chứng cho hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là anh Lê Ngọc T với bên nhận ủy quyền là bà Lưu Thị Y, số công chứng 1975/2019, quyển số 01 TP/CC - SCC/HĐUQ. Trước khi anh T và bà Y ký các nội dung ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền, các bên đã được công chứng viên giải thích quyền và nghĩa vụ của mình. Phòng công chứng khẳng định hợp đồng ủy quyền giữa anh Lê Ngọc T và bà Lưu Thị Y là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, các điều khoản ghi trong hợp đồng ủy quyền là đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi các bên ký hợp đồng ủy quyền xong, cho đến nay, phòng công chứng chưa nhận được yêu cầu nào của các bên về việc yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có thay đổi ý kiến đã trình bày trước đó, cụ thể:

Bà Y sửa đổi yêu cầu khởi kiện, bà Y yêu cầu bà B và chị D phải trả cho bà Y các khoản tiền vay vào các ngày 22/7/2019, 30/7/2019, 13/8/2019 với lãi suất 12%/năm tính đến ngày 15/9/2020. Tổng số tiền bà Y yêu cầu bà B và chị D phải trả là: 2.221.013.040 đồng.

Yêu cầu bà B phải trả số tiền 140.000.000 đồng với lãi suất 10% tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày 15/9/2020, tổng số tiền gốc và lãi là: 153.616.438 đồng.

Ngoài ra bà Y có ý kiến: Việc bà B cho rằng bà Y cho bà B vay các khoản tiền trên là do trước đó giữa bà Y và bà B có nhiều khoản vay và sau đó chốt nợ các khoản vay vào ngày 22/7/2019 với mức lãi suất 1.500đ/1 triệu/1 ngày đối với các khoản vay là không có căn cứ, đề nghị bà B chứng minh việc bà Y cho bà B vay các khoản tiền trên với lãi suất như bà B trình bày.

Đối với yêu cầu của bà B yêu cầu bà Y giao nộp giấy văn bản thỏa thuận (gốc) ngày 30/7/2017: bà Y khẳng định là bà Y không giữ giấy tờ trên.

Đánh giá các tài liệu bà B giao nộp cho tòa án: bà Y công nhận nội dung biên bản thỏa thuận ngày 30/7/2017, chữ viết là do bà B viết, còn chữ ký đại diện bên cho vay là bà Y ký. Lý do bà Y ký vào biên bản thỏa thuận cho vay ngày 30/7/2017, là do bà B có nhờ bà Y ký vào biên bản thỏa thuận đó để bà B dùng làm chứng cứ đặt vấn đề làm GCNQSDĐ để bà B làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Bà Y khẳng định: nội dung giấy thỏa thuận lập ngày 30/7/2017 không liên

quan gì đến các khoản vay, cũng như lãi suất cho vay giữa bà Y với bà B và chị D từ ngày 22/7/2019 đến ngày 27/9/2019.

Còn các hợp đồng cho vay tiền ngày 25/5/2017, hợp đồng cho vay tiền ngày 13/6/2017, hợp đồng cho vay tiền ngày 30/7/2017, biên bản thanh lý hợp đồng vay tiền ngày 07/12/2017 không phải chữ ký của bà Y, cũng không có việc bà Y cho bà B vay tiền vào thời gian đó.

Trong phiên tòa ngày 04/9/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lưu Thị Y có đơn và yêu cầu Hội đồng xét xử hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2019 với lý do: Xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bà Hà Thị B thay đổi, bổ sung ý kiến như sau:

- Bà B yêu cầu bà Y phải trả cho bà B số tiền: 7.569.200.000 đồng.

- Khoản tiền 2.140.000.000 đồng mà bà Y đang yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà B và chị D phải trả cho bà Y theo giấy vay tiền ngày 22/7/2019 và giấy vay tiền ngày 27/9/2019, bà B không chấp nhận với lý do: Giấy vay tiền này đều do bà Y hướng dẫn bà B viết, là giấy vay giả tạo, có dấu hiệu của sự lừa dối, với mục đích ban đầu của bà B viết giấy vay nợ này, là do bà Y làm dịch vụ cầm đồ, cần tiền vốn để xoay vòng cho vay vốn, nên bà Y đã nhờ bà B viết giấy vay tiền để có căn cứ là nguồn vốn của bà Y đang được cho bà B vay, vẫn có khả năng thu hồi để bà Y đi xoay vòng chỗ khác, nhằm phục vụ dịch vụ cầm đồ của bà Y, bà Y hứa sẽ trích hoa hồng cho bà B. Chính vì tin tưởng bà Y là chỗ chị em, tình cảm hàng xóm thân thiết với nhau và bà Y đã từng có lúc giúp đỡ gia đình bà B nên bà B đã đồng ý viết giấy vay tiền hộ bà Y, theo ý và sự hướng dẫn của bà Y, bà B cũng động viên chị D ký vào giấy vay nợ trên.

- Bà B đề nghị trung cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của ông Đ và bà Y trên các tài liệu trong giấy nhận tiền ngày 28/10/2018 và giấy nhận tiền ngày 03/3/2019, chữ ký của bà Y thể hiện trên sổ ghi chép vay nợ của bà B, trên biên bản thanh lý hợp đồng vay tiền. Sau đó, bà B xin rút yêu cầu trung cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của ông Đ và bà Y.

- Do bà Y yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, việc tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã gây thiệt hại cho gia đình bà B từ ngày 18/11/2019 cho đến nay với số tiền hơn một tỷ đồng, yêu cầu bà Y phải bồi thường số tiền trên. Sau đó bà B lại xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại đơn đề nghị ngày 31/8/2020, và tại phiên tòa sơ thẩm bà Hà Thị B đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ - BPKCTT ngày 18/11/2019 với lý do: Tài sản mà tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hiện đang được thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, hai tài sản thế chấp không liên quan đến khoản tiền vay giữa bà B với bà Y. Việc Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó dẫn đến việc gia đình bà không bán được tài sản để trả nợ cho ngân hàng.

Bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu bà Y phải bồi thường thiệt hại cho anh T đối với hợp đồng ủy quyền. Yêu cầu bà Y phải bồi thường thiệt hại cho anh T trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, do việc bà Y yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông H1 và chị D, do anh T là người trong gia đình, nên cũng bị ảnh hưởng. Sau đó bà H xin rút hai yêu cầu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên quyết định:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 112, Điều 244 /BLTTDS, các Điều 463, 466, 468, 470, 562/BLDS. Điều 5 Luật công chứng 2014.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Y. Buộc bà Hà Thị B và chị Lê Thùy D phải trả cho bà Lưu Thị Y tổng số tiền là **2.221.013.040** đồng (*Hai tỷ, hai trăm hai mươi một triệu, không trăm mười ba nghìn không trăm bốn mươi đồng*), trong đó 1.954.000.000đ tiền gốc và 267.013.040 tiền lãi. Buộc bà Hà Thị B phải trả cho bà Lưu Thị Y tổng số tiền là **153.194.520đ**, trong đó 140.000.000đ tiền gốc và 13.194.520đ tiền lãi.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B và chị D không trả cho bà Y khoản tiền trên, thì bà B và chị D còn phải trả cho bà Y khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lê Ngọc T về yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh Lê Ngọc T và bà Lưu Thị Y ngày 26/9/2019 tại phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên, số công chứng 1975/2019, quyển 01 TP/CC-SCC/HĐUQ địa chỉ tổ dân phố 17, phường MT, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Ngọc T, buộc bà Lưu Thị Y phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Ngọc T.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2020/QĐBPCKTT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Lưu Thị Y được nhận lại tài sản bảo đảm (tiền mặt) có giá trị là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tại tài khoản phong tỏa tại Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, địa chỉ: Số 546, tổ 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 144, Điều 147/BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Hà Thị B và chị Lê Thùy D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 76.420.260 đ, bà Hà Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch là: 7.659.726 đ. Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị Y 39.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/09355 ngày 23/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2020, TAND thành phố Điện Biên Phủ nhận được đơn kháng cáo của anh Lê Ngọc T và bà Hà Thị B, kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm, bà B nhiều lần gửi đơn đề nghị Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để điều tra, xác minh làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của bà Y và ông Đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tài liệu trong hồ sơ không thể hiện việc bà Y cho bà B vay lãi nặng đối với các khoản tiền bà Y đang khởi kiện nên đề nghị của bà B không có căn cứ.

Ngày 24/02/2021, bà Yến có đơn đề nghị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Bà Y đề nghị sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Yêu cầu bà B và chị D trả lãi với 03 khoản vay (khoản vay: 1.514.000.000 đồng ngày 22/7/2019; khoản vay: 320.000.000 đồng ngày 31/7/2019; khoản vay: 120.000.000 đồng ngày 13/8/2019) với lãi suất **10%/năm**.

Ngày 07/4/2021, TAND tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo bổ sung của bà H với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nội dung liên quan đến việc xử lý Hợp đồng ủy quyền giữa anh T và bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y yêu cầu bà B và chị D trả số tiền gốc và tiền lãi với 03 khoản vay tính đến ngày 15/9/2020 (khoản vay: 1.514.000.000 đồng ngày 22/7/2019; khoản vay: 320.000.000 đồng ngày 31/7/2019; khoản vay: 120.000.000 đồng ngày 13/8/2019) với lãi suất 10%/năm. Yêu cầu bà B trả 140.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/9/2020 với lãi suất 10%/năm.

Bà Hà Thị B khẳng định việc bà B vay tiền của bà Y là có thật, việc vay tiền được các bên thỏa thuận lãi là 1.500đ/01 triệu/01 ngày theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/7/2017. Tính từ ngày 04/9/2018 đến ngày 22/7/2019 thì tổng tiền gốc + tiền lãi +lãi chồng lãi là 1.514.000.000 đồng. Tại thời điểm chốt nợ, bà B nhất trí trả lãi theo thỏa thuận ngày 30/7/2017 nên đã viết giấy vay tiền ngày 22/7/2019 của bà Y. Khi bà B viết giấy là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ngày 30/7/2019, bà B vay thêm 320.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 13/8/2019, bà B vay tiếp 120.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 140.000.000 đồng là tiền lãi chứ không phải là tiền gốc. Theo tính toán và ghi chép của bà B thì trong tổng số tiền bà Y khởi kiện có 1.373.211.000 đồng là tiền gốc, còn

768.789.000 đồng là tiền lãi. Bà B chỉ nhất trí trả cho bà Y số tiền gốc và không nhất trí trả tiền lãi, tuy nhiên bà Y không nhất trí. Vì vậy, bà B giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án số 16/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ với lý do:

1. Thẩm phán cấp sơ thẩm gây khó khăn cho cho bà B trong việc tiếp cận chứng cứ của nguyên đơn giao nộp. Bà B và chị D không được biết các tài liệu chứng cứ do bà Y nộp. Khi bà B bày đề nghị photo nhưng cũng không được photo nên không đưa yêu cầu phản tố đối với bà Y. Đến ngày 27/2/2020 thì mới được tiếp cận tài liệu chứng cứ, khi đưa yêu cầu phản tố thì không được chấp nhận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B.

2. Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc đối chất, tranh tụng về sự mâu thuẫn giữa Giấy vay tiền của bà Y với ông bà Tr – O ngày 28/9/2019 với bản tự khai ngày 07/11/2019 và bản tự khai bổ sung ngày 10/02/2020 của bà Y; lời khai của ông Đ mâu thuẫn với tài liệu do bà B xuất trình.

3. Quá trình giải quyết vụ án có sự thiên vị, không khách quan: Thẩm phán không yêu cầu bà Y xuất trình bản gốc biên bản thỏa thuận 30/7/2017 đến cùng mặc dù đây là chứng cứ rất quan trọng. Tòa án còn chấp nhận đề nghị của bà Y về việc từ chối hòa giải là không đúng. Bà B đã cung cấp các Biên bản thỏa thuận ngày 27/9/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi bà Y, cũng không lấy lời khai làm rõ lý do và không yêu cầu bà Y giải trình về việc ngày 28/9/2019 bà Y đã thế chấp GCNQSDĐ của anh T và Hợp đồng ủy quyền với ông bà Tr – O để vay 02 tỷ, tại sao tháng 10/1019 lại có giấy tờ trên đi hỏi vay ngân hàng.

4. Việc đánh giá tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan, toàn diện như: Lời khai của bà Y về việc 2 bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng (thỏa thuận miệng) thì được chấp nhận. Còn bà B xuất trình sổ ghi chép theo dõi nợ và trả lãi thì không được chấp nhận. Giấy giao nhận tiền bản gốc có ghi nội dung 2 bên tính lãi mà bà B giao nộp cho Tòa cũng không được xem xét.

5. Quá trình giải quyết vụ án, bà B và chị D đã trình bày, chị D chỉ ký bảo lãnh một lần đối với số tiền 1.514.000.000đ, bà B đã nhận trách nhiệm trả nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc chị D phải cùng bà B trả nợ cho bà Y 03 khoản tiền gốc vay vào các ngày 22/7/2019, 30/7/2019, 13/8/2019 và tiền lãi. Việc Tòa sơ thẩm tuyên về số tiền sai nên tuyên về án phí sai. Đề nghị Tòa án phúc thẩm tuyên rõ kỷ phần trả nợ của bà B, bà D trong việc trả nợ cho bà Y.

6. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm bà B đã có đơn đề nghị giám định chữ viết, chữ ký nhưng không được chấp nhận. Việc bà B rút yêu cầu đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bà Y và ông Đ tại phiên tòa sơ thẩm là do thẩm phán hướng dẫn, không phải do bà B tự nguyện, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án không toàn diện, khách quan.

7. Ngày 15/9/2020, bà B bị ốm, không đảm bảo sức khỏe để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bà B đề nghị hoãn phiên tòa, sau đó đề nghị ngừng phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận, việc xác minh tại Trung tâm y tế thành phố

là không khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B, khi bà B mệt quá ngất đi nhưng thẩm phán vẫn xét xử và tuyên án.

8. Yêu cầu bà Y bồi thường thiệt hại đối với việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì áp dụng không đúng gây thiệt hại cho gia đình bà B, (gia đình bà B không bán được đất để trả nợ cho ngân hàng, ngân hàng lại tính lãi phát sinh từ ngày áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời) và yêu cầu bà Y bồi thường đối với các khoản chi phí khác trong quá trình giải quyết vụ án. Tổng số tiền bà B yêu cầu bồi thường là 555 triệu đồng.

9. Bà B yêu cầu hủy nội dung giải quyết về yêu cầu của anh T đối với Hợp đồng ủy quyền giữa anh T và bà Y, vì việc giải quyết của Tòa án sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B. Trên diện tích đất bà B chuyển nhượng cho anh T có tài sản là diện tích nhà kho. Thực chất đất và nhà kho là tài sản của bà B nhưng do không vay được tiền của ngân hàng, bà Y cũng không lấy đất để trừ nợ nên theo hướng dẫn của bà Y, bà B mới tặng cho QSDĐ cho con trai là anh T. Mục đích chuyển nhượng QSDĐ sang tên anh T và việc anh T ủy quyền cho bà Y là nhằm vay tiền ngân hàng để bà B trả nợ cho bà Y. Nhưng bà Y đã không thực hiện đúng như nội dung ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền ký kết tại văn phòng công chứng và theo thỏa thuận miệng của các bên.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông H và chị D, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Mai Thị H (là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Ngọc T) giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung giải quyết về hợp đồng ủy quyền giữa bà Lưu Thị Y và anh Lê Ngọc T tại phòng Công chứng số 1 tỉnh Điện Biên ngày 26/9/2019. Vì nội dung ủy quyền theo thỏa thuận là để bà Y thay anh T đi vay tiền ngân hàng, tuy nhiên bà Y đã không đi vay ngân hàng mà đem GCNQSDĐ và hợp đồng ủy quyền thế chấp cho ông bà Tr-O vào ngày 28/9/2019, sau đó treo biển bán đất vào ngày 03/10/2019. Bà Y giữ cả 3 bộ hợp đồng ủy quyền không đưa cho anh T nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T. Anh T không liên quan đến việc vay tiền giữa bà B và bà Y nên không có nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu bà Lưu Thị Y trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Ngọc T.

Ý kiến của bà Y: Yêu cầu bà B có trách nhiệm trả 03 khoản vay (Khoản vay: 1.514.000.000 đồng ngày 22/7/2019; Khoản vay: 320.000.000 đồng ngày 31/7/2019; Khoản vay: 120.000.000 đồng ngày 13/8/2019) với lãi suất 10%/năm tính đến ngày 15/9/2020. Cụ thể các khoản tiền như sau:

+ Khoản tiền gốc 1.514.000.000 đồng và tiền lãi của 1.514.000.000đ x 10%/năm x 420 ngày = 174.213.698 đồng.

+ Khoản tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi của 320.000.000đ x 10%/năm x 411 ngày = 36.032.876 đồng.

+ Khoản tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi của 120.000.000đ x 10%/năm x 398 ngày = 13.084.931 đồng.

Trường hợp bà B không trả được hoặc gặp rủi ro thì chị Lê Thùy D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Y.

- Yêu cầu bà B phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi của 140.000.000đ x 10% năm x 353 ngày = 13.539.726 đồng.

Tổng số tiền bà Y yêu cầu bà B phải trả là: 2.094.000.000 đồng tiền gốc và 236.871.233 đồng tiền lãi.

- Bà Y đề nghị giữ nguyên nội dung giải quyết về Hợp đồng ủy quyền trong bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm TAND tỉnh Điện Biên áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 308, Điều 309, Điều 310 BLTTDS sửa một phần Bản án số 16/2020/DS-ST từ ngày 15 đến ngày 21/9/2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo hướng: “Buộc bà Hà Thị B phải trả cho bà Lưu Thị Y tổng số tiền là 2.330.871.233, trong đó 2.094.000.000 đồng tiền gốc và 236.871.233 đồng tiền lãi. Về án phí: Bà Hà Thị B phải chịu tiền án phí DSST có giá ngạch là: 78.617.424 đồng.

Hủy một phần Bản án số 16/2020/DS-ST từ ngày 15 đến ngày 21/9/2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, về việc: Bác yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lê Ngọc T về yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh Lê Ngọc T và bà Lưu Thị Y ngày 26/9/2019 tại phòng công chứng số 1 tỉnh Điện Biên. Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Ngọc T buộc bà Lưu Thị Y phải trả lại GCNQSDĐ mang tên anh Lê Ngọc T; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Y và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc T Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hợp đồng ủy quyền*” và áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020 anh Lê Ngọc T và bà Hà Thị B gửi đơn kháng cáo trong hạn luật định nên việc kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Việc bà Y thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Hà Thị B thấy:

[2.1] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, bà B và chị D đã nhiều lần nộp đơn xin photo tài liệu do bà Y cung cấp và tài liệu trong hồ sơ (vào các ngày 07/11/2019, 27/2/2020, 20/3/2020) tuy nhiên Tòa án sơ thẩm không cho các đương sự được photô, tiếp cận chứng cứ là vi phạm quy định tại Điều 199, khoản 5 Điều 97/BLTTDS.

[2.2] Lời khai của bà B về số tiền 1.514.000.000 đồng ghi nhận nợ ngày 22/7/2019 bao gồm tiền gốc, tiền lãi và chồng lãi, số tiền 140.000.000 đồng vay ngày 27/9/2019 là tiền lãi không phải tiền gốc còn bà Y khai 2 khoản vay trên đều là tiền gốc. Về thời gian chị D ký giấy bảo lãnh cho bà B các đương sự khai cũng không thống nhất: Bà Y khai chị D ký bảo lãnh vào ngày 13/8/2019 còn bà B và chị D khai ký vào ngày 22/7/2019 và chỉ bảo lãnh đối với số tiền 1.514.000.000 đồng. Lời khai của bà Y trong hồ sơ có mâu thuẫn về quá trình quản lý, sử dụng GCNQSDĐ và Hợp đồng ủy quyền của anh T từ ngày 28/9/2019 đến tháng 10/2019. Lời khai của ông Đ và bà Y có mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ do bà B xuất trình. Tuy nhiên, tòa án sơ thẩm không thực hiện việc đối chất là vi phạm quy định tại Điều 100/BLTTDS; thu thập và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan.

[2.3] Ngày 14/9/2020, bà B vào khám và điều trị tại Trung tâm y tế thành phố Điện Biên Phủ; tại phiên tòa ngày 15/9/2020, bà B xin hoãn phiên tòa, sau đó xin tạm ngừng phiên tòa nhưng không được chấp nhận. Việc bà B không đảm bảo sức khỏe để tham gia phiên tòa và tranh tụng thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà B là vi phạm Điều 259/BLTTDS.

[2.4] Xét thấy: Tòa án đã yêu cầu bà Y giao nộp Giấy thỏa thuận ngày 30/7/2017 nhưng bà Y không xuất trình được và đã trình bày lý do tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2020 (BL 236) và tại phiên tòa sơ thẩm nên nội dung kháng cáo của bà B về việc Tòa án cấp sơ thẩm thiên vị, không yêu cầu bà Y giao nộp tài liệu chứng cứ là không có căn cứ.

[2.5] Đối với nội dung bà B kháng cáo có liên quan đến yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Đ, bà Y và yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bà B đã rút cả 2 yêu cầu này và ngày 20/9/2020 bà B đã có văn bản gửi Tòa án, tại mục 6 có nêu rõ bà B sẽ đề nghị trung cầu giám định đối với việc ông Đ nhận tiền vào ngày 28/10/2018 và ngày 03/3/2019 và khởi kiện trong vụ án khác (BL 407), điều đó chứng tỏ việc bà B rút yêu cầu giám định và rút yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại là tự nguyện nên nội dung kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Về nội dung liên quan đến trách nhiệm của chị D đối với nghĩa vụ trả nợ của bà B:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bên đã khai thông nhất về việc chị D chỉ chịu trách nhiệm trả nợ khi bà B gặp rủi ro, không trả được số tiền vay của bà Y. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm quyết định buộc chị D phải cùng bà B trả nợ cho bà Yến đối với số tiền vay ngày 22/7/2019, 30/7/2019, 13/8/2019 là không đúng quy định tại Điều 335/BLDS; dẫn đến việc xử lý án phí dân sự sơ thẩm không chính xác.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự khai nhận trên diện tích đất bà B chuyển nhượng cho anh T có 01 phần nhà kho là tài sản chung của bà B, chị D, ông H1, bà H2. Đây là tiết tiết mới phát sinh có ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và việc thu thập tài liệu chứng cứ không thể thực hiện tại cấp phúc thẩm.

[4] Xét nội dung kháng cáo của anh T có liên quan đến tài sản trên đất mà anh T đã được cấp GCNQSDĐ nên cần phải thực hiện việc điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ thì mới có căn cứ giải quyết.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX thấy rằng cần chấp nhận một số nội dung kháng cáo của bà B và nội dung kháng cáo anh T. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy, hồ sơ vụ án được chuyển cho TAND thành phố Điện Biên Phủ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà B và anh T được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Do đó, bà B và anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho bà Hà Thị B theo biên lai số AA/2020/0000316 ngày 15/10/2020, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho anh Lê Ngọc T (bà Hà Thị B nộp thay anh Lê Ngọc T) theo biên lai số AA/2020/0000333 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1,2 Điều 310/BLTTDS; khoản 3 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Hà Thị B và anh Lê Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho bà Hà Thị B theo biên lai số AA/2020/0000316 ngày 15/10/2020, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho anh Lê Ngọc T (bà Hà Thị B nộp thay anh Lê Ngọc T) theo biên lai số AA/2020/0000333 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/4/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP ĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS. TPĐBP;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)**

Phạm Thị Thu Hằng